

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

Số : 45 /2020/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 04 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

Căn cứ vào Điều 397 và Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 20/8/2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và anh Phạm Văn T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn với lý do vợ chồng chung sống luôn mâu thuẫn, bất hòa, sống chung không hạnh phúc.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được chấp nhận theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về việc nuôi dưỡng con: Các đương sự có 02 con chung là cháu Phạm Anh Th, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 23/8/2011. Các đương sự thỏa thuận giao hai con là cháu Phạm Anh Th và cháu Phạm Ngọc L cho

chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai con. Anh Phạm Văn T có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con, đóng góp vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động; nếu chậm đóng góp phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm đóng góp. Thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của mẹ và con được Tòa chấp nhận.

[3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Về lệ phí: Căn cứ theo Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 và danh mục lệ phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận theo thỏa thuận của các đương sự: Chị Nguyễn Thị H nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn; Hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (04/9/2020) .

- Về việc nuôi dưỡng con: Giao cháu Phạm Anh Th, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Phạm Ngọc L, sinh ngày 23/8/2011 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai con. Anh Phạm Văn T có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con, hai con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đóng góp vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động; nếu chậm đóng góp phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm đóng góp. Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Chị H được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí sang lệ phí theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2016/0002491 ngày 20/8/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu
- VKSND; THADS (huyện)
- UBND xã Đ, huyện N,
Kon Tum.
(nơi đăng ký kết hôn).
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo